TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - H Phúc

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST
Ngày 05-8-2021
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tuyến

2. Ông Trần Văn Thành

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phan Thị Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2021/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2021/HNGĐ ngày 16/7/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thúy H, sinh năm 1996

HKTT: khu 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Nơi cư trú hiện nay: Khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1994

HKTT: khu 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Nơi cư trú hiện nay: Khu T, thị trấn C, huyện Cê, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị Thúy H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Thúy H và anh Nguyễn Thành T kết hôn ngày 08/01/2018 trên cơ sở có tìm hiểu tự nguyên, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng về thuê nhà chung sống tại khu T, thị trấn C, huyện C, Phú Thọ. Qúa trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T thường hay đánh chửi chị H khi bất hòa. Kể từ tháng 03/2021 vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 25/7/2018. Hiện nay hai cháu đang sinh sống cùng chị H. Ly hôn chị xin được nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai ngày 29/3/2021 và biên bản hòa giải ngày 07/4/2021, anh Nguyễn Thành T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do anh có những hành động không đúng đối với chị H, anh đã xin lỗi chị H và khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày. Nếu ly hôn, anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi con và nhất trí cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/ tháng theo đề nghị của chị H.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về điều luật áp dụng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3

Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xem xét xử cho chị H được ly hôn anh T.

+ Về con chung: Đề nghị HĐXX xem xét giao 01 con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị H số tiền là 1.000.000đ/ tháng kể từ tháng 8/2021 đến khi con chung thành niên.

+ Về tài sản chung, công nợ, công sức: không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: chị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Trần Thị Thúy H và anh Nguyễn Thành T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị H và anh T đều có nơi cư trú tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ, anh chị có đơn thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê giải quyết vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã đến Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê theo giấy triệu tập, trình bày quan điểm và tham gia hòa giải. Mặc dù anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ hai mà không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, HĐXX căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ ngày 08/01/2018 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Qua việc xác minh ý kiến của Chính quyền địa phương thị trấn C (nơi vợ chồng chị H, anh T sinh sống) xác định, chị H và anh T sinh sống và làm việc trên địa bàn thị trấn C từ sau khi kết hôn. Ngày 15/3/2021, chị H và anh T làm thủ tục đăng ký tạm trú tại thị trấn C.

Chính quyền địa phương không nắm rõ mâu thuẫn của chị H và anh T do anh chị trước khi gửi đơn đến Tòa án không đề nghị hòa giải cơ sở, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em. Anh T xin được đoàn tụ, tuy nhiên trong quá trình vợ chồng sống ly thân và quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh cũng không đưa ra biện pháp gì để hàn gắn gia đình. Như vậy, xác định tình cảm vợ chồng chị H và anh T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xử cho chị H được ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 25/7/2018. Chị H và anh T đều nhất trí để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị H số tiền 1.000.000đ/ tháng. Cháu N hiện còn nhỏ, cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ. Vì vậy xét giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện cháu được chăm sóc tốt nhất. Anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị H số tiền 1.000.000đ/ tháng là phù hợp

* Về tài sản chung, công nợ, công sức: Hai bên đều không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: chị Trần Thị Thúy H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 56, 58, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chị Trần Thị Thúy H được ly hôn anh Nguyễn Thành T

2. *Về con chung*: Giao cho chị Trần Thị Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 25/7/2018, anh Nguyễn Thành T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng kể từ tháng 8 năm 2021 cho đến khi cháu N thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Trần Thị Thúy H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003891 ngày 29/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Thành T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H có mặt có quyền kháng cáo; anh T (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
VKSND tỉnh, huyện CK;
- Đương sự;
-Chi cục THADS h Cẩm Khê;
-UBND xã Đ;
-Lưu HS; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thanh Loan

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
	Hà Thanh Loan